

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày 19/8/2020

V/v: "tranh chấp

Hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Đào Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên, Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến Hnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983

Nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2- Bị đơn: anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1983

Nơi cư trú: thôn V, xã C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

(chị H và anh Q đều đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân Q năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Tân Yên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh Q tại thôn V, xã C, huyện Tân Yên. Ban đầu, anh chị chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2016, anh Q hay uống rượu rồi nói đi làm mệt mỗi lại phải nuôi con riêng của chị dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Tháng 5/2017, anh Q càng uống rượu nhiều và nói chị nhiều hơn nên chị cùng con riêng của chị đã về NH để ở thôn N, xã T, huyện L sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh Q cũng nhiều lần đến gọi chị về đoàn tụ nhưng chị không

về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Xuân Q.

- Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Thị T - sinh ngày 30/01/2015. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh Q. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị làm công nhân, mức lương khoảng 7 – 8.000.000đồng/tháng. Bố chị còn khỏe có thể phụ giúp chị trông nom chăm sóc cháu nên chị khẳng định có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H vắng mặt.

* *Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn là anh Nguyễn Xuân Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị H năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Sau khi kết hôn, chị H về nhà anh chung sống. Tình cảm vợ chồng bình thường, không có vấn đề gì mâu thuẫn. Khoảng tháng 6/2017, chị H xin về nhà đẻ để giúp việc cho bố rồi ở luôn từ đó đến nay không quay về nhà anh chung sống nữa. Trong thời gian này, anh chị cũng nhiều lần nói chuyện trao đổi để chị H về đoàn tụ nhưng chị H không về. Nay anh vẫn còn tình cảm vợ chồng và mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận ly hôn.

- Về con chung: anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Thị T - sinh ngày 30/01/2015. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh. Khi ly hôn, anh đề nghị giao con chung cho chị H nuôi dưỡng vì anh thường xuyên đi làm thợ xây ít khi về nhà, thu nhập của anh là 200.000đồng/ngày. Ngoài cháu Thanh ra, anh còn phải nuôi con riêng của anh nữa. Bố mẹ anh đã già không chăm sóc các cháu được chu đáo, gia đình anh thuộc diện hộ nghèo.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: anh Q vắng mặt.

* *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Giao cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: chị H nộp đơn yêu cầu ly hôn anh Q, cư trú tại thôn V, xã C, huyện Tân Yên. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị H và anh Q vắng mặt nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng pháp luật.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Q:

Năm 2014, chị H và anh Q tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tân Yên nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H thì mâu thuẫn là do từ năm 2016 anh Q hay uống rượu rồi nói anh đi làm mệt mỏi lại phải nuôi con riêng của chị dẫn đến vợ chồng cãi nhau, anh Q ngày càng uống rượu và chỉ trích chị nhiều hơn nên tháng 5/2017 chị đã về nH để sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Theo anh Q thì tình cảm vợ chồng bình thường, khoảng tháng 6/2017 chị H xin về nH để làm giúp công việc rồi ở hẳn từ đó đến nay không quay lại nH anh nữa mặc dù anh cũng đã nhiều lần nói chuyện gọi chị về đoàn tụ. Qua xác minh, gia đình anh Q và địa phương cũng cho biết: vợ chồng chị H anh Q có bất đồng quan điểm về vấn đề làm ăn kinh tế đã dẫn đến ly thân như anh chị đã trình bày. Nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu ly hôn anh Q. Anh Q xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận ly hôn. Như vậy, HĐXX thấy: mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H ly hôn anh Q là đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị H và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Thị T - sinh ngày 30/01/2015. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh Q. Khi ly hôn, chị H và anh Q đều nhất trí giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng.. Xét thấy, cháu T còn nhỏ tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nhưng cháu lại đang ở cùng anh Q, anh Q thường đi làm thợ xây ở xa không có thời gian chăm sóc cháu T. Gia đình anh Q có bố bị bệnh tật, mẹ già sức khỏe yếu vừa làm ruộng vừa nội trợ nên không giúp được anh Q chăm sóc cháu T. Chị H hiện đang đi làm công nhân thu nhập khoảng 7 – 8 triệu đồng/tháng, có đủ điều kiện vật chất để nuôi con, chị cũng có bố đẻ còn khỏe có thể giúp chị trông nom chăm sóc cháu T. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với yêu cầu đề nghị của hai anh chị, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu T.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị H và anh Q không yêu cầu giải quyết

nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Xuân Q.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 30/01/2015.

- Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2018/0006322 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS Tân Yên;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Đăng

